TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH ANGIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 223/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 25 – 6 – 2018
"V/v ly hôn giữa
Anh N và chị H"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ T, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Tác

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- ***Thư ký phiên tòa***: Đỗ Thị Ngọc Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú T, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú T*** *tham gia phiên tòa:*

Ông Lê Hữu Đức – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn N – Sinh năm 1985 (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Trần Thị H – Sinh năm 1983 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 710, tổ 14, ấp Phú Mỹ H, xã Phú Th, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/3/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Năm 2001 qua mai mối anh và chị Trần Thị H đồng ý tiến tới hôn nhân, không có đăng ký kết hôn, anh cưới vợ lúc 19 tuổi là năm 2000, không phải năm 2001 do khai không đúng, còn giấy tờ làm trễ. Vợ chồng sống bình thường đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do chị H đi sớm về trễ, thường về nhà cha mẹ ruột ở xã Phú H, anh có hỏi nhưng chị H không giải thích chỉ nói có chuyện riêng và

mỗi người tự lo cuộc sống. Hiện nay giữa anh và chị H không còn tình cảm, nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị H.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/6/2018, cũng như tại phiên tòa chị Trần Thị H trình bày qua mai mối năm 2001 chị và anh N đồng ý tiến tới hôn nhân, không đăng ký kết hôn, vợ chồng lấy nhau tháng 4/2000, lúc này chị 21 tuổi, không phải năm 2001 do khai không chính xác, còn giấy tờ làm trễ không đúng tuổi. Vợ chồng sống hạnh phúc, anh N làm nghề tài xế lái xe ô tô, hành ngày đi từ sáng sớm đến chiều tối mới về nhà, năm 2014 chị nghe dư luận anh N có quan hệ tình cảm với phụ nữ khác, chị không ghen và không nói gì. Tháng 12/2017 phát sinh mâu thuẫn do anh N thừa nhận với chị là anh có quan hệ tình cảm với phụ nữ khác, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, vợ chồng không còn quan tâm với nhau, nay anh N xin ly hôn, chị đồng ý.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ng, sinh ngày 08/5/2001 và Nguyễn Đang Tr, sinh ngày 26/7/2003, các con đang sống chung với vợ chồng. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng, anh N đồng ý giao 02 con cho chị H nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản: Anh N và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ phải thu, phải trả: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về giải quyết vụ án, hôn nhân giữa anh N và chị Hết là không hợp pháp, vì không đăng ký kết hôn, đề nghị không công nhận anh Nghĩa và chị H là vợ chồng; về nuôi con chung hai bên thống nhất thỏa thuận chị H được nuôi 02 con, anh N không cấp dưỡng nuôi con, sự thỏa thuận này phù hợp với Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn N khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị H, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh N và chị H chung sống như vợ chồng năm 2001, thời điểm này anh N 16 tuổi, chị H 18 tuổi. Anh N chưa đủ tuổi kết hôn, nhưng căn cứ vào điểm d.1. khoản 2 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định " *Nếu đến thời điểm hủy việc kết hôn trái pháp luật cả hai bên đến tuổi kết hôn, trong thời gian đã qua họ chung sống bình thưởng đã có con, có tài sản chung thì không quyết định hủy việc kết hôn trái pháp luật. Nếu mới*

phát sinh mâu thuẫn và có yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn thì Tòa án thụ lý để giải quyết ly hôn theo thủ tục chung", do đó Tòa án không hủy việc kết hôn do không đủ tuổi, mà vẫn giải quyết ly hôn theo thủ tục chung.

[3] Tuy nhiên, khi đủ tuổi kết hôn anh N và chị H cũng không đăng ký kết hôn, nên hôn nhân của anh chị là không hợp pháp, căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử không công nhận anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thị H là vợ chồng.

[4] Về nuôi con chung: Anh N và chị H thỏa thuận chị H được trực tiếp nuôi 02 con, anh N không cấp dưỡng nuôi con, cháu Nguyễn Thị Ng và Nguyễn Đang Tr cũng có nguyện vọng sống với chị H. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử ghi nhận thỏa thuận giữa hai bên, chị H được trực tiếp nuôi 02 con, chị H không yêu cầu cấp dưỡng nên anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về chia tài sản: Hai bên không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không đề cập.

[7] Về nợ chung: Ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[8] Về án phí sơ thẩm, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án anh N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 53, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thị H là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Ng, sinh ngày 08/5/2001 và Nguyễn Đang Tr, sinh ngày 26/7/2003 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Anh Nguyễn Văn N không trực tiếp nuôi con, anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Không có.

Về nợ chung: Ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh N phải chịu 300.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0016743 ngày 23/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hồ Thị Kim Phương